

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/DS-ST.

Ngày: 31/7/2019.

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua
bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung;

2. Bà Đoàn Thị Ánh Hương.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng:* Không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST –DS ngày 14 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số x tổ dân phố B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(ông H có mặt; bà C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của ông H tại phiên tòa thì: Vào ngày 20/3/2017, ông có thỏa thuận bằng miệng bán cho bà Nguyễn Thị C trú tại xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà phân bón hóa học DAP với số lượng là 25 tấn. Tuy nhiên, trong giấy giao hàng lại ghi hàng gửi bán không hết tự chở về. Sau đó đến ngày 12/7/2017 thì ông đã nhận lại 10 tấn DAP và ngày 08/10/2017 ông đã

nhận lại 3.350kg DAP, số lượng phân còn lại thì bà C đã bán hết nên bà C có viết giấy với ông nhận nợ số tiền là 100.000.000đ, hẹn đến ngày 25/12/2017 thì trả hết. Đến ngày 02/01/2018 thì bà C mới trả cho ông được 40.000.000đ và cứ hẹn mãi, mãi đến ngày 26/4/2018 mới trả tiếp cho ông được 16.000.000đ và ngày 03/5/2018 trả tiếp cho ông được 20.000.000đ. Như vậy, tính đến ngày 03/5/2018 thì bà C còn nợ ông là 24.000.000đ, ông đã nhiều lần qua nhà nhưng không gặp được bà C, gọi điện thì bà C không nghe máy. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả cho ông số tiền còn lại là 24.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện với mức lãi suất là 1,5%/ tháng bằng số tiền là 4.274.000đ. Nay ông chỉ yêu cầu bà C phải trả số tiền gốc là 24.000.000đ, ông xin rút phần lãi không yêu cầu bà C phải trả số tiền là 4.274.000đ. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại Bản tự khai ngày 09/7/2019 bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Năm 2017, ông H có gửi phân bón tại đại lý của bà để bán hộ ông H, tổng số phân bón ông H gửi bà bán là 100.000.000đ, việc gửi phân bón bà có ký vào sổ của ông H. Sau đó bà có trả cho ông H 03 lần tiền, lần 1 bà trả 40.000.000đ, lần 2 bà trả 16.000.000đ, lần 3 bà trả 20.000.000đ; còn 24.000.000đ thì bà chưa trả cho ông H. Số lượng phân bón này bà đã bán cho ông Nguyễn Văn Ân ở xã Đan Phượng, ông Ân cho rằng phân kém chất lượng nên chưa trả tiền cho bà. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà phải trả 24.000.000đ tiền gốc và 4.274.000đ tiền lãi thì bà đồng ý trả cho ông H nhưng với điều kiện khi nào ông Ân trả cho bà thì bà trả cho ông H. Đồng thời bà C có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà C không trình bày gì thêm.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng do bà C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bà Trần Thị C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo thủ tục C là phù hợp.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Qua các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và bản tự khai bị đơn bà C trình bày thể hiện: Vào năm 2017 ông H có gửi phân bón hóa học cho bà Trần Thị C bán hộ ông H, hai bên có viết giấy giao hàng (BL20). Đến ngày 08/10/2017 thì hai bên chốt lại công nợ với nhau thể hiện bà Trần Thị C nhận nợ của ông Phạm Ngọc H với số tiền là 100.000.000đ, hẹn đến ngày 25/12/2017 thì trả hết. Đến ngày 02/01/2018 thì bà C đã trả được cho ông H 40.000.000đ; đến ngày 26/4/2018 trả tiếp cho ông H được 16.000.000đ và ngày 03/5/2018 trả tiếp cho ông H được 20.000.000đ. Số tiền còn lại 24.000.000đ đến

nay chưa trả các bên đương sự đều đã thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với số tiền 24.000.000đ còn lại thì bà C đồng ý trả cho ông H với điều kiện khi nào bà lấy được của ông Nguyễn Văn Ân thì bà trả cho ông H, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này của bà C không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, việc mua bán này là quan hệ giao dịch giữa ông H với bà C, bà C đã bán phân đi và hiện nay không còn; Hơn nữa, bà C có ký giấy nhận nợ và hẹn ngày trả nợ với ông H nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Còn việc bà C cho rằng bà bán phân cho ông Nguyễn Văn Ân nhưng ông Ân không trả tiền là một quan hệ giao dịch dân sự khác nên Tòa án không đưa ông Ân vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Giả sử, nếu như có việc ông Nguyễn Văn Ân mua phân bón của bà C nhưng không trả tiền thì bà C có quyền khởi kiện ông Nguyễn Văn Ân bằng một vụ kiện dân sự khác. Vì vậy, cần buộc bà C phải trả cho ông H số tiền 24.000.000đ là phù hợp.

Đối với việc ông H yêu cầu bà C phải trả tiền lãi với số tiền là 4.274.000đ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H xin rút không yêu cầu bà C phải trả. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện định đoạt của đương sự nên cần đình chỉ đối với vấn đề này là phù hợp.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000đ (24.000.000đ x 5%). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430; 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H đối với bà Trần Thị C về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”*.

Buộc bà Trần Thị C phải trả cho ông Phạm Ngọc H số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Ngọc H về việc yêu cầu bà Trần Thị C phải trả tiền lãi là 4.274.000đ.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị C phải chịu 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 706.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000894 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi Cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Huân